

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ- ST

Ngày 22- 8 -2025.

Về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Biên;

2. Bà Ngô Thị Vân;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 107/2025/TLST- HNGĐ ngày 9/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Số nhà C, ngách A, ngõ F, tổ dân phố Đ, phường B, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Dương Văn Q, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Số nhà I, ngõ F, thôn V, phường T, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hằng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Dương Văn Q ngày 27/9/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Bắc Ninh). Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Trước khi cưới vợ chồng được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị về nhà chồng sinh sống ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có 01 con chung. Tuy nhiên, từ khoảng tháng 5/2025 mâu thuẫn chính là do giữa mẹ chồng và chị trong cuộc sống chung hàng ngày, từ đó vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do đó chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 5/2025 và vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm chăm sóc gì tới nhau nữa. Đến nay chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Dương Văn Q.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Dương Ngọc K, sinh ngày 05/3/2023. Hiện nay cháu K đang sống cùng chị tại nhà bố mẹ đẻ của chị tại số nhà C, ngách A, ngõ F, tổ dân phố Đ, phường B, tỉnh Bắc Ninh. Chị hiện nay đang làm công nhân tại Công ty M1, thu nhập trung bình khoảng 9.000.000 đồng/tháng. Nay ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Dương Văn Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời điểm đăng ký kết hôn và quá trình chung sống thì anh Q đồng ý như chị N đã trình bày. Anh Q xác định vợ chồng anh chị thực ra không có mâu thuẫn gì, mâu thuẫn chủ yếu giữa mẹ anh và chị N trong cuộc sống hàng ngày bất đồng quan điểm, từ đó vợ chồng anh chị phát sinh cãi vã, không có tiếng nói chung. Anh cũng thừa nhận từ tháng 5/2025 chị N đã mang con về nhà để chị N sinh sống và hai vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Tuy nhiên nay chị N đề nghị ly hôn thì anh không đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Dương Ngọc K, sinh ngày 05/3/2023. Hiện nay cháu K đang sống cùng chị N tại nhà bố mẹ đẻ chị N. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng muốn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Hiện nay anh đang làm nhân viên kỹ thuật tại Công ty TNHH H, địa chỉ: A, Đào Toàn M, Khu công nghiệp S, tỉnh Bắc Ninh. Thu nhập trung bình khoảng 12.000.000 đồng - 13.000.000 đồng/ tháng, đủ điều kiện nuôi con chung. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng anh không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 6/8/2025, bà Cao Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà I, ngõ F, thôn V, phường T, tỉnh Bắc Ninh là mẹ đẻ của anh Dương Văn Q trình bày:

Anh Dương Văn Q là con trai bà. Khoảng năm 2022 anh Q và chị N có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn, gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị N về nhà bà sinh sống ngay. Thời gian đầu vợ chồng anh Q, chị N chung sống hạnh phúc và có 01 con chung là cháu Dương Ngọc K, sinh ngày 5/3/2023. Tuy nhiên vào dịp lễ 30/4-1/5/2025 chị N xin về nhà bố mẹ đẻ nhưng do cháu K quấy khóc nên mẹ chồng bà (bà nội anh Q) không cho cháu K về ngoại còn chị N vẫn đòi về ngoại chơi. Sau đó chị N không chịu, giằng lấy cháu K nhất định bắt cháu K đi cùng mặc dù cháu K quấy khóc. Chị N bế cháu về nhà ngoại từ đó đến nay. Gia đình bà có trực tiếp lên nhà bố mẹ đẻ chị N để nói chuyện, hòa giải cho chị N, anh Q đoàn tụ nhưng mẹ chị N có bảo để chị N ở nhà vài bữa rồi về sau. Nhưng từ đó không thấy chị N về nhà nữa và thấy chị N nộp đơn ly hôn với anh Q. Nay chị N có đơn ly hôn anh Q thì bà không đồng ý vì hai vợ chồng thực tế không có mâu thuẫn gì và cháu K còn quá nhỏ. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn cho hai anh chị thì bà đề nghị Tòa án giao cháu K cho anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng do anh Q có đủ điều kiện, kinh tế

và thời gian để chăm sóc con. Về tài sản chung, công nợ chung của anh Q, chị N thì bà không biết nên không cung cấp được thông tin gì cho Tòa án.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hằng N: Chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Dương Văn Q, đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Dương Văn Q trình bày: Nay chị N đề nghị ly hôn với anh thì anh đồng ý. Anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị N và anh Q đều không đều nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm:**

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hằng N trình bày: Mặc dù giữa vợ chồng chị thực ra không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, tuy nhiên giữa chị và mẹ chồng chị có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày nên chị không thể ở chung cùng với gia đình nhà chồng. Từ đó vợ chồng không có tiếng nói chung, phát sinh cãi vã, chồng chị lại không đồng ý ra ở riêng. Do đó đến nay chị xác định nay tình cảm vợ chồng không còn, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Dương Văn Q. Về con chung: Hiện nay chị đang làm công nhân có thu nhập ổn định. Cháu K hiện đang ở cùng chị ở nhà bố mẹ đẻ chị, cháu vẫn đang phát triển tốt, ngoài ra cháu còn nhỏ, nên chị đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Dương Văn Q trình bày: Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng thực tế phát sinh từ mâu thuẫn giữa mẹ anh và chị N nên vợ chồng mới xảy ra cãi vã nhưng anh vẫn không đồng ý ra ở riêng. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị ly hôn với anh thì anh đồng ý. Về con chung: Mặc dù cháu K còn nhỏ nhưng do mỗi lần anh đón con đều bị chị N cản trở và gây khó dễ nên anh vẫn đề nghị được giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh hiện đang làm công ty có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc con chung. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Dương Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hằng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Ngọc K, sinh ngày 05/3/2023 đến khi cháu Dương Ngọc K đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002133 ngày 9/7/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Hằng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung với anh Dương Văn Q. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn cư trú tại xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường T, tỉnh Bắc Ninh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi, thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về yêu cầu giải quyết cho ly hôn anh Dương Văn Q:

[3.1.1] Về đăng ký kết hôn: Anh Dương Văn Q và chị Nguyễn Thị Hằng N đăng ký kết hôn ngày 27/9/2022 (là thời điểm thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014), kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường T, tỉnh Bắc Ninh) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, do đó đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.1.2] Về quá trình chung sống: Qua lời khai của các đương sự và các tài liệu trong hồ sơ thể hiện anh Q và chị N có thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó vợ chồng anh Q, chị N đã phát sinh cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống do nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng giữa mẹ chồng và chị N trong cuộc sống chung. Từ tháng 5/2025, chị N đã mang con là

cháu K về nhà mẹ đẻ sinh sống. Anh chị cũng sống ly thân từ tháng 5/2025 đến nay không quan tâm chăm sóc gì tới nhau nữa. Đến nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q. Anh Q cũng đồng ý ly hôn với chị N.

[3.1.3] Do vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng anh Q, chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét thấy anh Q và chị N đã tự nguyện ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Dương Văn Q.

[4.2] Về yêu cầu giải quyết con chung:

[4.2.1] Theo lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đủ căn cứ xác định vợ chồng anh Q, chị N có 01 con chung là cháu Dương Ngọc K, sinh ngày 05/3/2023. Hiện nay cháu K đang sống cùng chị N tại nhà bố mẹ đẻ chị N.

[4.2.2] Nay ly hôn chị N và anh Q đều đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung thì thấy anh Q làm nhân viên kỹ thuật tại Công ty TNHH H, thu nhập trung bình của anh Q khoảng 12.000.000 đồng -13.000.000 đồng/ tháng; chị N đang làm công nhân tại Công ty M1, thu nhập trung bình 9.000.000 đồng/ tháng. Hai anh chị đều có công việc và thu nhập ổn định, đều đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu Dương Ngọc K, sinh ngày 05/3/2023 (dưới 36 tháng tuổi), còn rất nhỏ, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trong sinh hoạt hàng ngày nên người mẹ sẽ đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng tốt hơn.

[4.2.2] Do đó, để đảm bảo sự ổn định, phát triển bình thường và điều kiện tốt nhất cho cháu K, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về con chung, giao con chung là cháu Dương Ngọc K cho chị Nguyễn Thị Hằng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81,82,83,110 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình của Hội đồng thẩm phán- TAND Tối cao. Sau khi ly hôn, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002133 ngày 9/7/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Nguyễn Thị Hằng N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đối với việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Dương Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hằng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Ngọc K, sinh ngày 05/3/2023 đến khi cháu Dương Ngọc K đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002133 ngày 9/7/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Nguyễn Thị Hằng N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Dương Văn Q có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 1- Bắc Ninh;
- Các đương sự;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- UBND phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1- Bắc Ninh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

Nguyễn Thị Thanh Hoa